TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/4/2023.
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phùng Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đăng Thám
2. Bà Nguyễn Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hải Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Trương Hồng Bình – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 238/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022, về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị T, sinh năm: 1988.

Nơi ĐKHKTT: Tổ 1, thôn N, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Hiện trú tại: K29, Trần Ngọc X, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

- Bị đơn: Anh Nguyễn H, sinh năm: 1982.

Trú tại: Tổ 1, Ngũ Xã, xã B, huyện T, ỉnh Quảng Nam.

(Chị T có mặt, anh H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn, Chị Võ Thị T trình bày: Chị T và Anh Nguyễn H tự nguyện tìm hiểu yêu thương và đến với nhau hành vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T vào năm 2009. Sau khi kết hôn 2 vợ chồng sống chung tại nhà ba mẹ anh H một thời gian. Sau đó vì công việc nên chị và anh H chuyển ra thành phố Đà Nẵng làm ăn sinh sống nhưng cuối tuần vẫn về thăm gia đình tại xã B. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị tính tình không hợp hay xảy ra cải vả xúc phạm lẫn nhau. Ngoài ra, anh H ngoại tình với người khác, mặc dù chị đã cho anh cơ hội nhưng anh vẫn không thay đổi nên vợ chồng chị sống ly thân với nhau, phần ai người đó sống, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay Chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, không thể hàn gắn với nhau nên Chị T xin được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị T khai vợ chồng chị có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Tuấn Q, sinh ngày 13/11/2010. Nguyện vọng của Chị T là được nuôi con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay cháu Quy đang sinh sống cùng chị, chị trực tiếp nuôi cháu Quy từ nhỏ đến nay.

- Về tài sản chung: Chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Bị đơn, Anh Nguyễn H mặc dù được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng anh H vẫn vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại các phiên tòa xét xử không có lý do.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật. Bị đơn vắng mặt không đến tham dự các phiên hòa giải và các phiên Tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Đề nghị chấp nhận nguyện vọng của nguyên đơn giao cháu Quy cho Chị T nuôi dưỡng. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh H không cấp dưỡng nuôi con chung cùng Chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu cáctài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam;

[1] Về thủ tục tố tụng: Xác định tranh chấp về ly hôn, nuôi con là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án có bị đơn cư trú tại huyện T, tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xét thấy bị đơn Anh Nguyễn H vắng mặt nhiều lần trong các buổi hòa giải và các phiên tòa dù được Tòa án đã tống đạt hợp lệ. Căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa Chị Võ Thị T và Anh Nguyễn H là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 29/2009, ngày 18/9/2009 do Uỷ ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam cấp. Sau khi kết hôn, chị Thương xác định vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân theo Chị T là do anh H ngoại tình nên vợ chồng anh chị thường xuyên mâu thuẫn nhau. Vợ chồng anh chị sống ly thân với nhau, phần ai người đó sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tiến hành hòa giải cho các bên đoàn tụ chung sống, làm ăn nuôi con. Nhưng Chị T cương quyết muốn ly hôn còn anh H thì không đến làm việc tại các phiên hòa giải và tại các phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy vợ chồng anh H, Chị T thật sự không mong muốn sống bên nhau. Nếu có ép buộc thì mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có kéo dài thì cuộc sống hôn nhân cũng không có hạnh phúc. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm

2014 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Chị Võ Thị T. Chị Võ Thị T được ly hôn với Anh Nguyễn H.

[3] Về con chung: Theo Chị T trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có 01 con chung tên là: Nguyễn Ngọc Tuấn Q, sinh ngày 13/11/2010. Theo nguyên vọng của cháu Quy mong muốn được sống với Chị T. Nguyện vọng của Chị T được nuôi con. Xét thấy nguyện vọng nuôi con của Chị T là chính đáng, đúng pháp luật. Nguyện vọng của cháu Quy mong muốn được sống với mẹ và thỏa mãn điều kiện sống, môi trường học tập của cháu. Để đảm bảo quyền được nuôi con cho người mẹ và nguyện vọng của cháu Quy. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao cháu Nguyễn Ngọc Tuấn Q, sinh ngày 13/11/2010 cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Toà án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

[4] Về tài sản chung: Chị T khai không có và không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung và cho mượn nợ: Chị T khai không có nợ chung, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000^{đ} Chị Võ Thị T phải chịu. Được tính trừ vào số tiền: 300.000^{đ}(Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà Chị T đã nộp theo biên lại thu số 0005982 ngày 04/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

[7] Các bên đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[8] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 146; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 2; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Chị Võ Thị T. Chị Võ Thị T được ly hôn với Anh Nguyễn H.

2. Về con chung và nuôi con chung: Xác định vợ chồng Chị T, anh H có 01 con chung tên là: Nguyễn Ngọc Tuấn Q, sinh ngày 13/11/2010.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Chị Võ Thị T. Giao cháu Nguyễn Ngọc Tuấn Q, sinh ngày 13/11/2010 cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Quy đủ 18 tuổi, trưởng thành. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Toà án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung

3. Về tài sản chung: Chị T khai không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị T khai không có nợ chung, Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000^{đ} Chị Võ Thị T phải chịu. Được tính trừ vào số tiền: 300.000^{đ}(Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà Chị T đã nộp theo biên lại thu số 0005982 ngày 04/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

6. Chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND – VKSND tỉnh Quảng Nam;*
- *VKSND huyện T;*
- *Chi cục THA.DS huyện T;*
- *UBND xã B;*
- *Các bên đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, lưu án văn;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký tên, đóng dấu)

Đặng Phùng Thành